

Ngày 31/03/2024	32,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	10.2%	18.9%	47.9%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,800 - 32,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,841
Số lượng CPLH (CP)	242,001,859
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,319,135
Sở hữu nước ngoài	4.5%
Beta	1.55
EPS	1,729
P/E	18.7

DT thuần
Q1/24

3,253

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 639| 24.4%

YoY: ▲ 939| 40.6%

LN trước thuế
Q1/24

99.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 84.7| 576%

YoY: ▲ 410| 132%

LN sau thuế
Q1/24

72.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 66.2| 1026%

YoY: ▲ 394| 123%

ROA
2023

0.2%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần
2023

11,110

tỷ VNĐ

YoY: ▼448| -3.9%

LN trước thuế
2023

97.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 18.7| 23.8%

LN sau thuế
2023

25.0

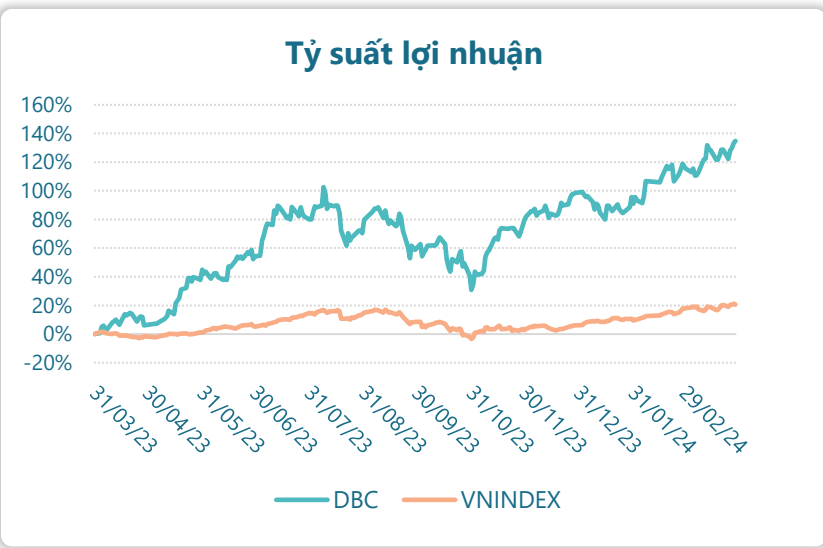
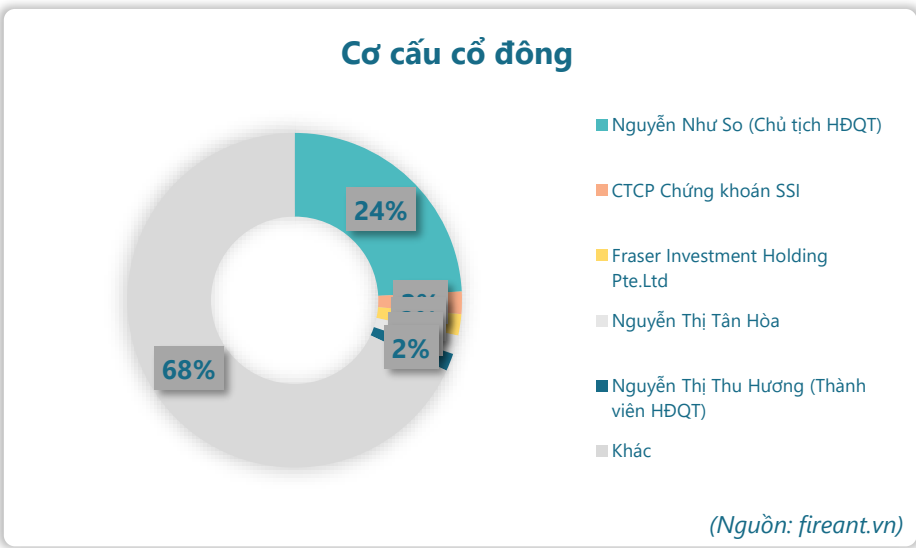
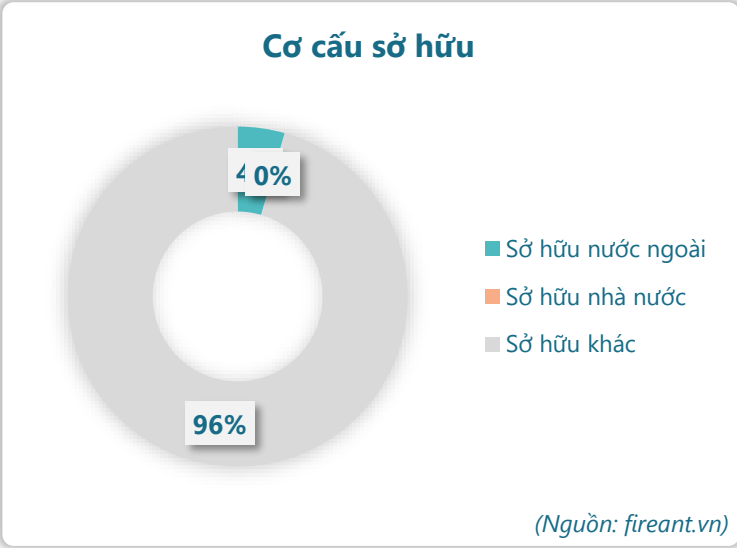
tỷ VNĐ

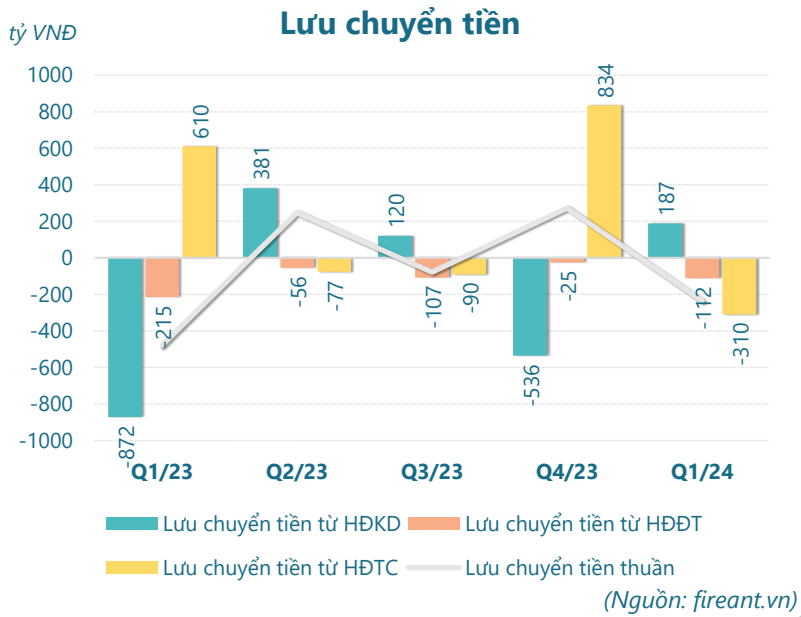
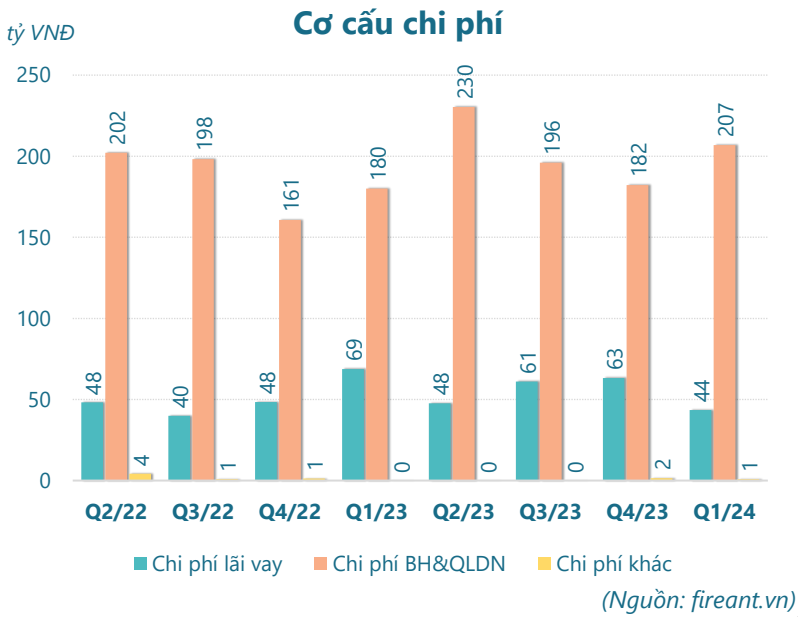
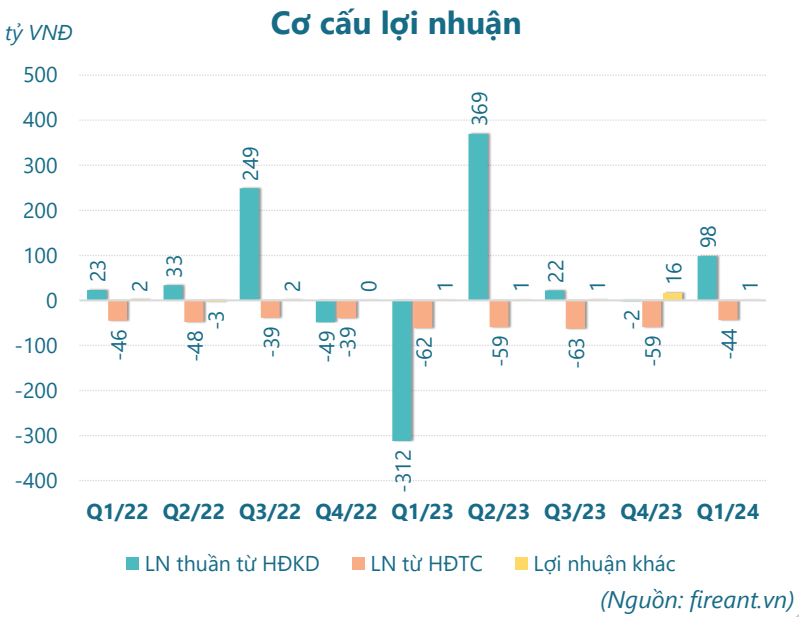
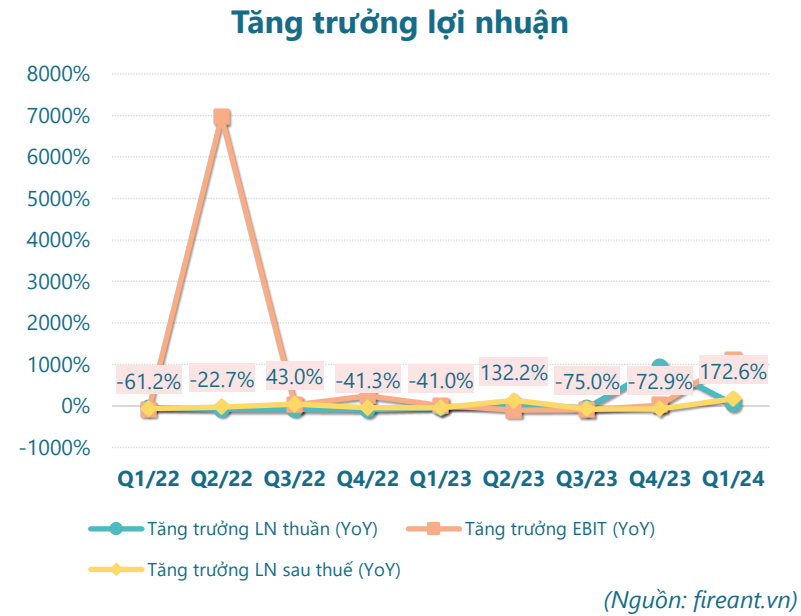
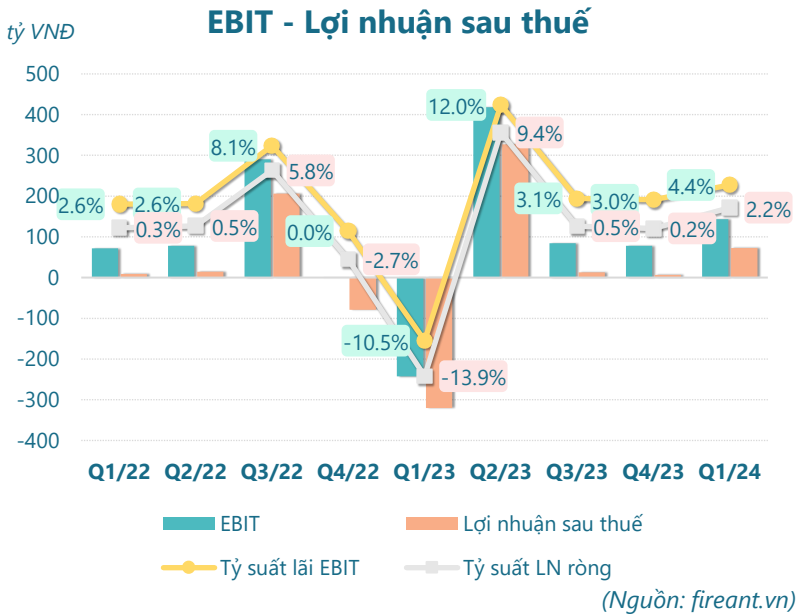
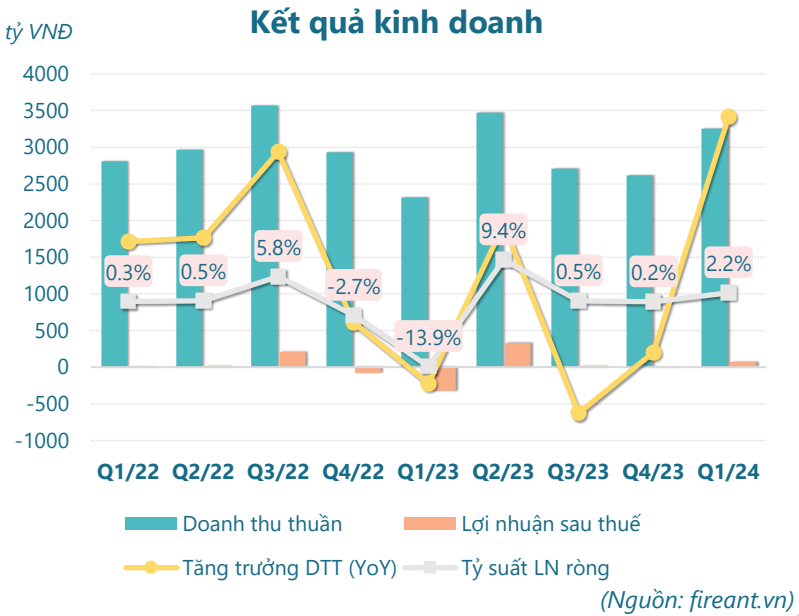
YoY: ▲ 19.8| 381%

ROE
2023

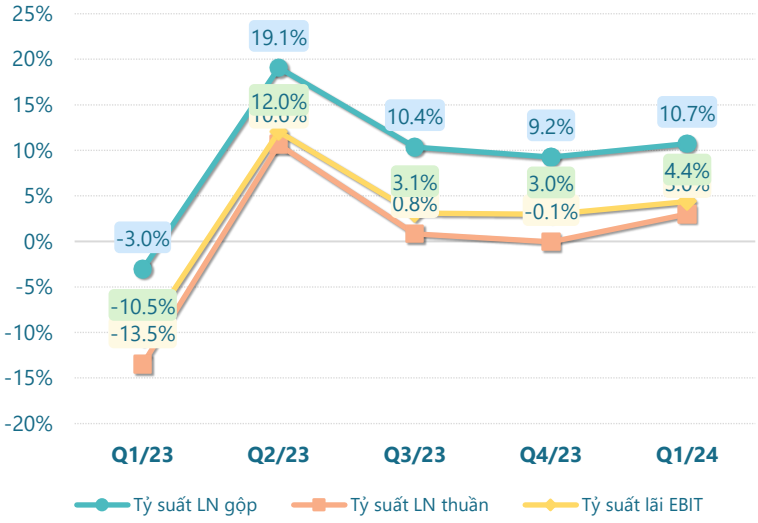
0.5%

+/- YoY: ▲ 0.4%



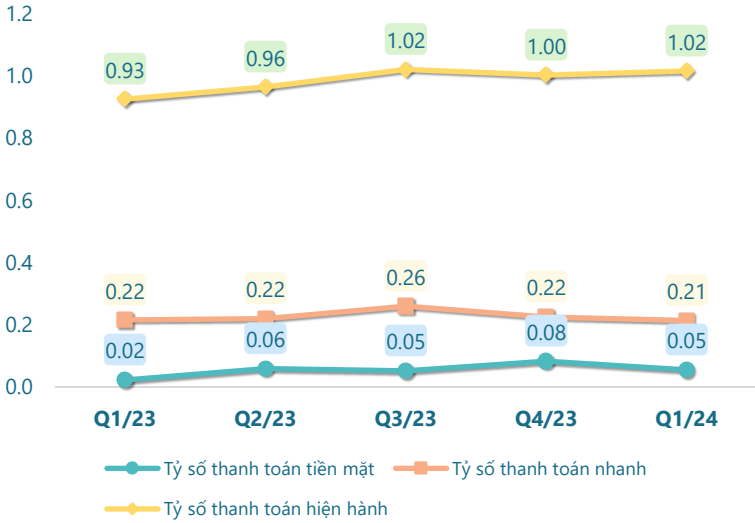


Tỷ suất lợi nhuận



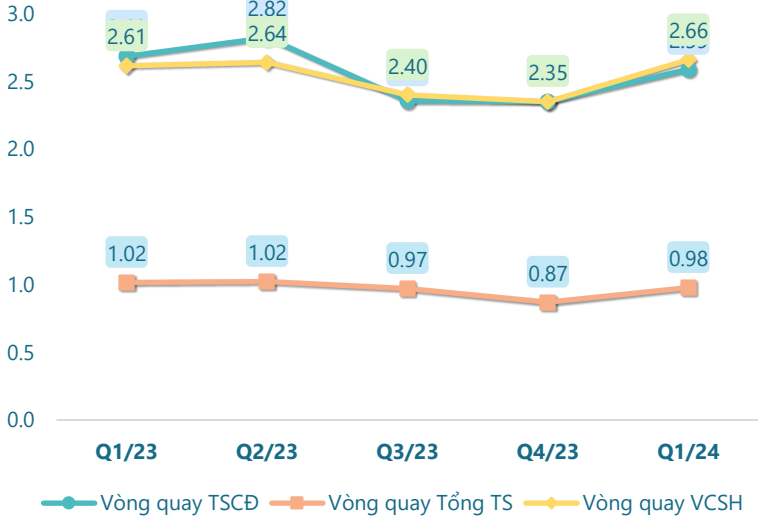
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



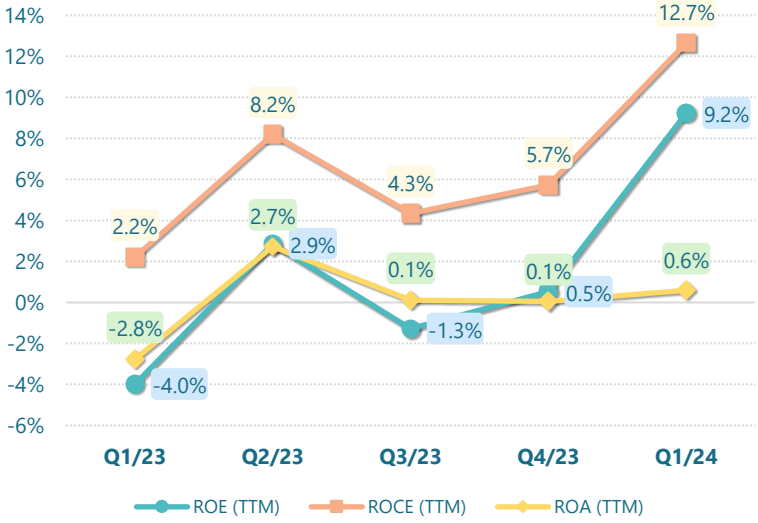
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



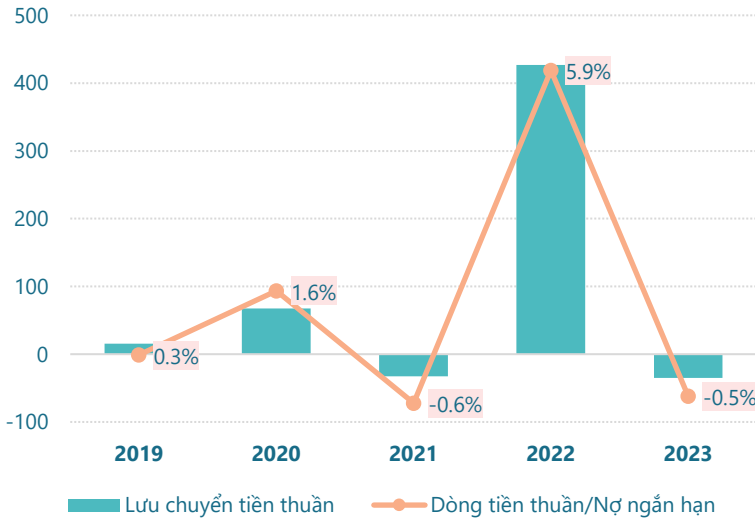
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



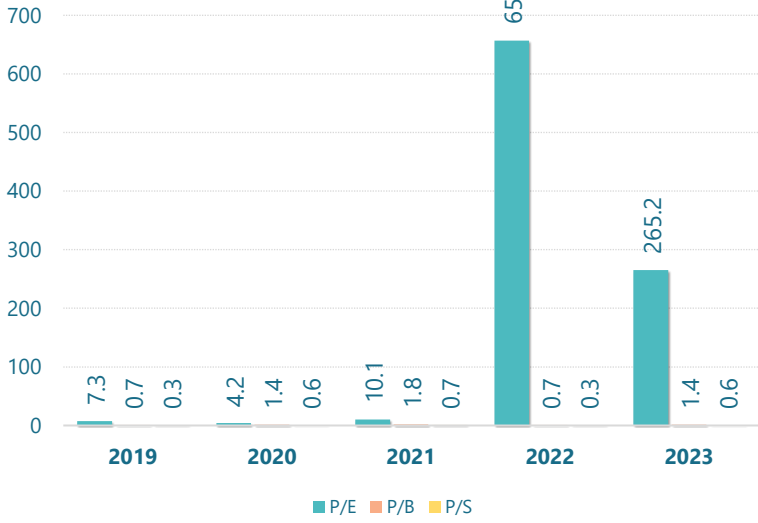
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)